

PART 4: CÂU HỎI VỀ DANH TÍNH, ĐỊA ĐIỂM



1. ĐẶC ĐIỂM CHUNG

- Câu hỏi về danh tính, địa điểm, cụ thể là câu hỏi về **danh tính** người nói/
người nghe và về **địa điểm** của bài nói.

- Câu hỏi về danh tính, địa điểm, cụ thể là câu hỏi về **danh tính** người nói/**người nghe** và về **địa điểm** của bài nói.
- Câu hỏi về danh tính, địa điểm Part 4 thường có dạng:
 - Who most likely are the listeners?
 - Who most likely is the speaker?
 - Where do the listeners most likely work?
 - Where most likely does the speaker work?
 - Where is the speech being given?

- Câu hỏi về danh tính, địa điểm, cụ thể là câu hỏi về **danh tính** người nói/**người nghe** và về **địa điểm** của bài nói.
- Câu hỏi về danh tính, địa điểm Part 4 thường có dạng::
 - Who most likely are the listeners?
 - Who most likely is the speaker?
 - Where do the listeners most likely work?
 - Where most likely does the speaker work?
 - Where is the speech being given?
- Vị trí thông tin: câu hỏi về danh tính, địa điểm thường là câu đầu tiên hoặc thứ 2 nên thông tin đáp án sẽ nằm ở **phần đầu** hoặc **giữa** đoạn băng, khi người nói **giới thiệu** về chủ đề, **mục đích** hoặc **chào mừng**.

2. CÁC TRƯỜNG HỢP CỤ THỂ

2.1. Câu hỏi về danh tính

- Câu hỏi về nghề nghiệp:

Q77: Who most likely is the speaker?

Người nói rất có thể là ai?

(A) A scholar.

Học giả.

(B) A producer.

Nhà sản xuất.

(C) A pilot.

Phi công.

(D) A programmer.

Lập trình viên

Q78: Who are the listeners?

Người nghe là những ai?

(A) Potential investors.

Nhà đầu tư tiềm năng.

(B) Actors.

Diễn viên.

(C) Housewives.

Bà nội trợ

(D) University students.

Sinh viên đại học.

- Đọc câu hỏi:

Q77: Who most likely is the speaker?

Người nói rất có thể là ai?

(A) A scholar.

Học giả.

(B) A producer.

Nhà sản xuất.

(C) A pilot.

Phi công.

(D) A programmer.

Lập trình viên

⇒ 2 câu hỏi về danh tính

⇒ Thông tin ở phần đầu và giữa bài

Q78: Who are the listeners?

Người nghe là những ai?

(A) Potential investors.

Nhà đầu tư tiềm năng.

(B) Actors.

Diễn viên.

(C) Housewives.

Bà nội trợ

(D) University students.

Sinh viên đại học.

- Nghe băng:



Q77: Who most likely is the speaker?

Người nói rất có thể là ai?

(A) A scholar.

Học giả.

(B) A producer.

Nhà sản xuất.

(C) A pilot.

Phi công.

(D) A programmer.

Lập trình viên

Q78: Who are the listeners?

Người nghe là những ai?

(A) Potential investors.

Nhà đầu tư tiềm năng.

(B) Actors.

Diễn viên.

(C) Housewives.

Bà nội trợ

(D) University students.

Sinh viên đại học.

- Chọn đáp án:

Good morning, everyone. Welcome to a test screening of our pilot for a new daytime sitcom entitled **Once Upon a Romance**. Your participation in this focus group is essential for assessing audience reception. **This television show is meant to appeal to middle-aged housewives, and that is why you have all been selected.**

Q78: Who are the listeners?

Người nghe là những ai?

(A) Potential investors.

Nhà đầu tư tiềm năng.

(B) Actors.

Diễn viên.

(C) Housewives.

Bà nội trợ

(D) University students.

Sinh viên đại học.

- Chọn đáp án:

Good morning, everyone. Welcome to a test screening of our pilot for a new daytime sitcom entitled **Once Upon a Romance**. Your participation in this focus group is essential for assessing audience reception. **This television show is meant to appeal to middle-aged housewives, and that is why you have all been selected.**

Q78: Who are the listeners?

Người nghe là những ai?

(A) Potential investors.

Nhà đầu tư tiềm năng.

(B) Actors.

Diễn viên.

(C) Housewives.

Bà nội trợ

(D) University students.

Sinh viên đại học.

- Câu hỏi về nơi làm việc:

Q: Where most likely does the speaker work?

Người nói rất có thể làm việc ở đâu?

(A) At a theater.

Ở một rạp hát.

(B) At a car dealership.

Ở một đại lý oto.

(C) At a retail store.

Ở một cửa hàng bán lẻ.

(D) At a library.

Ở một thư viện.

- Đọc câu hỏi:

Q: Where most likely does the speaker work? => Câu hỏi danh tính

Người nói rất có thể làm việc ở đâu?

=> Câu đầu tiên => thông tin ở phần đầu

(A) At a theater.

Ở một rạp hát.

(B) At a car dealership.

Ở một đại lý ô tô.

(C) At a retail store.

Ở một cửa hàng bán lẻ.

(D) At a library.

Ở một thư viện.

- Nghe băng:



Q: Where most likely does the speaker work?

Người nói rất có thể làm việc ở đâu?

- (A) At a theater.**
Ở một rạp hát.
- (B) At a car dealership.**
Ở một đại lý ô tô.
- (C) At a retail store.**
Ở một cửa hàng bán lẻ.
- (D) At a library.**
Ở một thư viện.

- Chọn đáp án:

Câu chứa đáp án:

Amy, it is your responsibility to check that the store is clean and well-stocked for customers before we open for the day.

Most importantly, I would like you to make sure that the proper price tags are displayed in front of their corresponding products.

Q: Where most likely does the speaker work?

Người nói rất có thể làm việc ở đâu?

(A) At a theater.

Ở một rạp hát.

(B) At a car dealership.

Ở một đại lý ô tô.

(C) At a retail store.

Ở một cửa hàng bán lẻ.

(D) At a library.

Ở một thư viện.

- Chọn đáp án:

Câu chứa đáp án:

Amy, it is your responsibility to check that the store is clean and well-stocked for customers before we open for the day.

Most importantly, I would like you to make sure that the proper **price tags** are displayed in front of their corresponding **products**.

Q: Where most likely does the speaker work?

Người nói rất có thể làm việc ở đâu?

(A) At a theater.

Ở một rạp hát.

(B) At a car dealership.

Ở một đại lý ô tô.

(C) At a retail store.

Ở một cửa hàng bán lẻ.

(D) At a library.

Ở một thư viện.

- Chọn đáp án:

Câu chứa đáp án:

Amy, it is your responsibility to check that the store is clean and well-stocked for customers before we open for the day.

Most importantly, I would like you to make sure that the proper **price tags** are displayed in front of their corresponding **products**.

Q: Where most likely does the speaker work?

Người nói rất có thể làm việc ở đâu?

(A) At a theater.

Ở một rạp hát.

(B) At a car dealership.

Ở một đại lý ô tô.

(C) At a retail store.

Ở một cửa hàng bán lẻ.

(D) At a library.

Ở một thư viện.

2.2. Câu hỏi về địa điểm

Q: Where is the speech being given?

Bài diễn văn được nói ở đâu?

(A) At a training session

Một buổi đào tạo

(B) At a press conference

Một họp báo

(C) At a job fair

Một hội chợ việc làm

(D) At a store grand opening

Một buổi khai trương cửa hàng

- Đọc câu hỏi:

Q: Where is the speech being given? => Câu hỏi về địa điểm

Bài diễn văn được nói ở đâu? => Câu đầu tiên => thông tin ở phần đầu

(A) At a training session

Một buổi đào tạo

(B) At a press conference

Một họp báo

(C) At a job fair

Một hội chợ việc làm

(D) At a store grand opening

Một buổi khai trương cửa hàng

- Nghe băng:



Q: Where is the speech being given?

Bài diễn văn được nói ở đâu?

(A) At a training session

Một buổi đào tạo

(B) At a press conference

Một họp báo

(C) At a job fair

Một hội chợ việc làm

(D) At a store grand opening

Một buổi khai trương cửa hàng

- Chọn đáp án:

Câu chưa đáp án:

Hello everyone. **Thanks for coming to this
press conference.**

Q: Where is the speech being given?

Bài diễn văn được nói ở đâu?

(A) At a training session

Một buổi đào tạo

(B) At a press conference

Một họp báo

(C) At a job fair

Một hội chợ việc làm

(D) At a store grand opening

Một buổi khai trương cửa hàng

- Chọn đáp án:

Câu chưa đáp án:

Hello everyone. **Thanks for coming to this
press conference.**

Q: Where is the speech being given?

Bài diễn văn được nói ở đâu?

(A) At a training session

Một buổi đào tạo

(B) At a press conference

Một họp báo

(C) At a job fair

Một hội chợ việc làm

(D) At a store grand opening

Một buổi khai trương cửa hàng